

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N T
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 138/2020/HS-ST

Ngày: 25/6/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N T - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Bích Liễu**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Ngô Tiến Thành**,
Bà **Võ Thị Bồi**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thủy** – Thư ký tòa án Tòa án nhân dân thành phố N T, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố N T tham gia phiên tòa: Bà **Lê Đăng Phương Huệ** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N T, tỉnh Khánh Hòa, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 170/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn T (Tên gọi khác: **Út**), sinh năm 1993 tại Khánh Hòa; Hộ khẩu thường trú: 15/45 đường V1, phường V, N T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1963, Mẹ: Nguyễn Thị T2, sinh năm 1962;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/8/2019 đến 28/8/2019 và tạm giam từ ngày 02/3/2020 cho đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** **Bùi Mạnh H**, sinh năm 1975

Địa chỉ: 2/6/27 đường L1, Quận L, thành phố H.

Vắng mặt.

* **Người làm chứng:**

1. **Trần Thái M**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ô 42, lô 1769 Đ1, Phường Đ, N T.

Vắng mặt.

2. **Nguyễn M E**, sinh năm 1990

Địa chỉ: 71/30 N1, phường N, N T.

Vắng mặt.

3. **Nguyễn Thị Ngọc P**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ô 11, lô 369 Đ1, Phường Đ, N T.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 19/8/2019, Nguyễn Văn M đi bộ xuống khu vực bãi biển, đối diện Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, số 01 đường X1, phường X, thành phố N T, với mục đích trộm cắp tài sản. Tại đây, M gặp Nguyễn T, Nguyễn Thị Ngọc P; M rủ T xuống bãi biển ngồi giả làm khách du lịch, cảnh giới để M trộm cắp tài sản, nếu lấy được tài sản M sẽ cho T tiền, Thành đồng ý và nói với P đi xuống bãi biển ngồi cùng với M (P không biết việc M rủ T đi trộm cắp tài sản). Khoảng 15 phút sau, M quan sát thấy anh Bùi Mạnh H để điện thoại ở trong một chiếc quần đùi màu xám để chung với quần áo khác trên bãi cát rồi đi xuống biển tắm. Lợi dụng lúc anh H và mọi người xung quanh không để ý, M liền đi tới chỗ anh H để tài sản, dùng chân hất quần áo khác ra để xác định tài sản có trong túi quần đùi rồi quay lại chỗ của Thành, P ngồi. Một lúc sau, M tiếp tục lại gần và dùng tay lấy trộm chiếc quần đùi trên, lấy áo của mình bọc lại rồi bỏ đi thì bị quần chúng nhân dân bắt quả tang M, T cùng tang vật.

Tiến hành kiểm tra, tài sản trộm cắp gồm: 01 quần đùi màu xám, 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus, 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus, 01 ví da màu nâu bên trong có 500.000 đồng, 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank, 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe mô tô đều mang tên Bùi Mạnh H, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển kiểm soát 29C1 – 008.91 mang tên Nguyễn Văn H.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn M, Nguyễn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 444/HĐĐG ngày 20/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus 32GB trị giá 8.550.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus 32GB trị giá 3.900.000 đồng; ví nâu, quần đùi không đủ thông tin sản phẩm để định giá.

Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 12.950.000 đồng.

Ngày 14/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định truy nã bị cáo số 3849/CSĐT đối với bị can Nguyễn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đến ngày 02/3/2020, Nguyễn T bị bắt theo Quyết định truy nã.

Tại bản cáo trạng số 154/CT-VKS ngày 12/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N T đã truy tố Nguyễn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N T đã giữ nguyên kết luận truy tố bị cáo Nguyễn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo từ 9 (chín) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù.

Bị cáo Nguyễn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại và một số người làm chứng, xét thấy việc vắng mặt của những người này không trở ngại cho việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 292 và 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi tố tụng của những người tiến hành tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Theo cáo trạng truy tố cho thấy, tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng truy tố phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ để xác định: Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 19/8/2019, tại khu vực bãi biển, đối diện Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, số 01 đường Trần Phú, phường Xương Huân, thành phố N T, Nguyễn Văn M, Nguyễn T đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 quần đùi màu xám, 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus trị giá 3.900.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus trị giá 8.550.000 đồng, 01 ví da màu nâu bên trong có 500.000 đồng, 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank, 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe mô tô đều mang tên Bùi Mạnh H, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển kiểm soát 29C1-008.91 mang tên Nguyễn Văn H của anh Bùi Mạnh H. Tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn M, Nguyễn T trộm cắp là 12.950.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N T đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do coi thường pháp luật, muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo sau khi thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo bỏ trốn và bị Cơ quan điều tra bắt theo Quyết định truy nã nên hình phạt đối với bị cáo phải nghiêm khắc.

Trong vụ án này, bị cáo là người giúp sức cảnh giới cho Nguyễn Văn M thực hiện hành vi phạm tội. Nguyễn Văn M đã được Tòa án nhân dân thành phố đưa ra xét xử theo bản án số 65 ngày 05/5/2020 với mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Do đó, mức án dành cho bị cáo T phải thấp hơn Nguyễn Văn M.

Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bị cáo ở mức thấp của khung hình phạt cũng đảm bảo mục đích của hình phạt, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật và đủ tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội.

Riêng đối với Nguyễn Văn M đã được xét xử theo Bản án số 65 ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố N T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nên cần tách ra giải quyết riêng trong một vụ án dân sự khi có đơn yêu cầu.

[5] Về vật chứng vụ án: 01 áo thun ngắn tay màu đen có chữ LCM – Mikana; 01 mảnh dao lam dài khoảng 03cm đã được xử lý vật chứng trong Bản án số 65 ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố N T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn T.

[2] Xử phạt: Bị cáo Nguyễn T 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù được tính từ ngày 02/3/2020 nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ là từ ngày 19/8/2019 đến 28/8/2019.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nên cần tách ra giải quyết riêng trong một vụ án dân sự khi có đơn yêu cầu.

[4] Về vật chứng vụ án: 01 áo thun ngắn tay màu đen có chữ LCM – Mikana; 01 mảnh dao lam dài khoảng 03cm đã được xử lý trong Bản án số 65 ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố N T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. N T;
- Chi cục THADS TP. N T;
- Bị cáo, bị hại;
- Công an TP. N T;
- UBND phường V, N T;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu án văn, hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Bích Liễu